

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 33/TC-TCT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 1997

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về chế độ thu sử dụng vốn Ngân sách Nhà nước

Căn cứ Nghị định số 22-HĐBT ngày 24/1/1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) qui định chế độ thu sử dụng vốn NSNN;

Căn cứ Quyết định số 110/TTg ngày 20 tháng 11 năm 1992 của Thủ tướng Chính phủ về bổ sung sửa đổi một số điểm trong chế độ thu về sử dụng vốn NSNN ban hành kèm theo Nghị định số 22/HĐBT;

Căn cứ Nghị định số 59/CP ngày 3/10/1996 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh đối với doanh nghiệp nhà nước;

Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ nộp thu sử dụng vốn ngân sách Nhà nước như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG TÍNH VÀ NỘP TIỀN THU VỀ SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Đối tượng tính tiền thu về sử dụng vốn Ngân sách:

Theo Điều 1 Nghị định số 22/HĐBT thì các tổ chức kinh tế sử dụng vốn cố định và vốn lưu động do ngân sách Nhà nước cấp và có nguồn gốc từ ngân sách, dưới đây gọi chung là vốn ngân sách Nhà nước cấp bao gồm vốn cố định, vốn lưu động, phải tính thu về sử dụng vốn. Cách xác định vốn do ngân sách Nhà nước cấp và vốn có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước theo qui định tại Thông tư số 41TC/VKH ngày 18/9/1990, Thông tư số 51TC/VKH ngày 27/10/1990, các văn bản hướng dẫn khác của Bộ Tài chính và cụ thể thêm như sau:

a. Vốn ngân sách Nhà nước cấp, bao gồm:

Vốn ngân sách Nhà nước cấp phát lần đầu khi xí nghiệp mới hoạt động; (xác định từ thời điểm giao nhận vốn).

Vốn ngân sách Nhà nước cấp bổ sung;

Vốn được tiếp quản từ chế độ cũ để lại.

b. Vốn có nguồn gốc từ ngân sách (bao gồm vốn cố định và vốn lưu động) hình thành từ các nguồn:

Chênh lệch giá tài sản cố định, vật tư, hàng hoá tồn kho qua các lần kiểm kê, điều chỉnh giá; (kể cả bằng nguồn tín dụng Ngân hàng và chiếm dụng nợ khách hàng);

Các khoản lợi nhuận, khấu hao cơ bản... phải nộp ngân sách được cấp có thẩm quyền cho phép giữ lại để bổ sung vốn;

Khấu hao cơ bản để lại của tài sản cố định thuộc nguồn vốn ngân sách cấp;

Các nguồn vốn viện trợ: viện trợ nhân dân, viện trợ của các nước và các tổ chức quốc tế, quà tặng theo qui định phải ghi tăng vốn ngân sách cấp;

Tổng số vốn ngân sách cấp bao gồm vốn xí nghiệp đang sử dụng, vốn tham gia liên doanh liên kết với các tổ chức khác trong và ngoài nước.

2. Các loại vốn sau đây không thuộc đối tượng tính thu sử dụng vốn ngân sách Nhà nước

Vốn bổ sung từ nguồn quỹ khuyến khích phát triển sản xuất hình thành từ lợi nhuận để lại;

Vốn cố định thuộc nguồn vốn do xí nghiệp tự vay, tự trả trực tiếp mà nguồn trả nợ lấy từ nguồn khấu hao của TSCĐ đi vay hoặc lợi nhuận để lại sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách;

Vốn lưu động đi vay;

Nhà ở của cán bộ công nhân viên, nhà trẻ, nhà mẫu giáo, câu lạc bộ, nhà ăn tập thể, công trình phúc lợi tập thể đầu tư bằng vốn ngân sách Nhà nước phục vụ cho cán bộ công nhân viên trong đơn vị;

Vốn ngân sách Nhà nước dùng để dự trữ tài sản, vật tư hàng hoá ứ đọng, chậm luân chuyển, không cần dùng, chờ thanh lý do tồn tại từ cơ chế cũ để lại;

Vật tư, hàng hoá, phụ tùng... thuộc vốn dự trữ đặc biệt do ngân sách cấp.

Vốn lưu động hình thành từ nguồn khấu hao cơ bản của tài sản cố định thuộc nguồn vốn xí nghiệp tự bổ sung;

Vốn huy động đóng góp của cán bộ công nhân viên chức;

Vốn nhận liên doanh liên kết.

3. Các tài sản sau đây không thuộc đối tượng nộp tiền thu sử dụng vốn ngân sách Nhà nước:

Tài sản cố định đang trong giai đoạn vận hành thử theo chế độ;

Tài sản cố định và tài sản lưu động thuộc vốn dự trữ của Nhà nước giao cho đơn vị quản lý;

Tài sản cố định thuộc kết cấu hạ tầng không có khả năng thu hồi vốn như: đường xá, cầu cống, đê điều...

Giá trị đất đai và tài sản cố định không phải trích khấu hao theo chế độ qui định;

Tài sản cố định và tài sản lưu động ứ đọng chờ thanh lý được xác định trong các biên bản kiểm kê 1/1/1990 và được Hội đồng giao vốn chấp nhận.

4. Đối tượng nộp tiền thu về sử dụng vốn ngân sách Nhà nước: là các tổ chức sản xuất kinh doanh hạch toán kinh tế độc lập sử dụng vốn ngân sách cấp, bao gồm:

Các xí nghiệp quốc doanh hạch toán kinh tế độc lập, các đơn vị hạch toán toàn ngành, các Tổng công ty, Công ty, Công ty hợp doanh, xí nghiệp liên doanh;

Các Công ty Xổ số, Công ty Bảo hiểm, các Ngân hàng kinh doanh, các cửa hàng kinh doanh vàng bạc;

Các đơn vị làm kinh tế thuộc lực lượng vũ trang, các Hội quần chúng, các đoàn thể, các cơ quan hành chính sự nghiệp.

Đối với các đơn vị phụ thuộc hạch toán báo sổ (chi nhánh, cửa hàng) việc nộp khoản thu về sử dụng vốn do đơn vị công ty, xí nghiệp ... hạch toán kinh tế độc lập nhận giao vốn nộp trực tiếp vào Ngân sách Nhà nước.

II. CĂN CỨ TÍNH VÀ MỨC THU

1. Căn cứ tính:

Căn cứ để tính số tiền thu về sử dụng vốn Ngân sách là tổng số tiền vốn của đơn vị thuộc đối tượng phải tính tiền thu sử dụng vốn quy định tại điểm 1 mục I trên đây và tỷ lệ thu. Tổng số vốn thuộc diện phải tính tiền thu về sử dụng vốn được xác định cụ thể như sau:

Tổng số vốn thuộc diện tính tiền thu sử dụng vốn cố định và vốn lưu động do Ngân sách Nhà nước cấp được xác định trên cơ sở số liệu về vốn tại thời điểm 31/12 năm trước cộng (+) với số tăng, trừ (-) số vốn giảm hàng tháng trong năm (nếu có).

Số vốn tăng trong kỳ, bao gồm:

Vốn Ngân sách cấp phát thêm cho xí nghiệp (nếu có) bao gồm cả vốn cố định, vốn lưu động, vốn XDCB hoàn thành đã bàn giao, hoặc vốn của các công trình hoàn thành đưa vào sử dụng. Vốn Ngân sách nhận của đơn vị khác bàn giao.

Vốn bổ sung từ chênh lệch giá hàng tồn kho, chênh lệch tỷ giá, các khoản bảo toàn vốn tính trên số vốn đã nhận, các khoản tiền thuế được xét giảm, miễn nộp Ngân sách Nhà nước theo chế độ v.v... như quy định tại điểm 1 nói trên.

Số vốn giảm trong kỳ bao gồm:

Khấu hao cơ bản phải nộp Ngân sách Nhà nước (nếu có)

Điều chuyển vốn cho đơn vị khác, hoàn vốn cho Ngân sách Nhà nước được ghi giảm vốn.

Tổng số vốn phải tính tiền thu sử dụng vốn trong kỳ được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng số vốn phải} & & \text{Số vốn phải} & & \text{Số vốn} & & \text{Số vốn} \\ \text{tính thu sử dụng} & = & \text{tính thu tiền sử} & + & \text{tăng} & - & \text{giảm} \\ \text{vốn trong kỳ} & & \text{dụng vốn đầu} & & \text{trong kỳ} & & \text{trong} \\ & & \text{kỳ} & & & & \text{kỳ} \end{array}$$

Vốn thuộc đối tượng tính thu về sử dụng vốn trong tháng có tăng hoặc giảm, được tính tăng hoặc giảm tiền thu về sử dụng vốn từ tháng sau.

2. Tỷ lệ thu:

a. Tỷ lệ thu về sử dụng vốn Ngân sách được quy định cho một tháng từ 0,2% đến 0,5% theo Điều 3 Nghị định số 22/HĐBT ngày 24/1/1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ). Căn cứ vào đặc điểm kinh tế kỹ thuật, ngành, nghề kinh doanh, Bộ Tài chính quy định chi tiết mức thu theo phụ lục kèm theo thông tư này)

b. Theo Điều 2 Quyết định số 110/TTg bổ sung một số danh mục ngành nghề sản xuất kinh doanh được áp dụng tỷ lệ thu sử dụng vốn 0, 2%/tháng như sau:

1. Ngành nước: bao gồm khai thác, làm sạch, cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt.
2. Sản xuất các ngành hàng: dược phẩm, trang thiết bị dụng cụ y tế, đồ dùng dạy học, dụng cụ thể dục thể thao.
3. Kinh doanh các ngành hàng: Sách giáo khoa, đồ dùng dạy học, dụng cụ thể dục thể thao, phát hành sách, kinh doanh lương thực.

III. BIỆN PHÁP KÊ KHAI THU NỘP TIỀN THU VỀ SỬ DỤNG VỐN NSNN

1. Trách nhiệm của tổ chức sản xuất kinh doanh:

Tổ chức sản xuất kinh doanh có trách nhiệm:

Kế toán phản ánh đầy đủ, chính xác các khoản vốn thuộc đối tượng thu về sử dụng vốn.

Theo dõi tình hình tăng, giảm vốn thuộc diện phải tính thu về sử dụng vốn;

Khai báo trung thực, đầy đủ theo mẫu qui định của Bộ Tài chính;

Nộp đầy đủ, đúng hạn tiền thu về sử dụng vốn vào NSNN.

Việc khai báo, nộp tiền thu về sử dụng vốn được qui định cụ thể như sau:

a. Tạm nộp thu sử dụng vốn:

Về nguyên tắc, các đơn vị thuộc diện nộp thu sử dụng vốn NSNN phải căn cứ vào số vốn NSNN có đến 31/12 của năm trước, kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình nộp thu sử dụng vốn của năm trước và kế hoạch tài chính của đơn vị để xác định số tạm nộp thu sử dụng vốn năm kế hoạch. Việc tạm nộp được tiến hành hàng tháng, vào ngày 5 của tháng tiếp sau. Mức tạm nộp hàng tháng là mức bình quân tháng của số tạm phải nộp của năm, mức này được xác định bằng cách lấy tổng số vốn NSNN đơn vị có đến ngày 31/12 năm trước nhân với tỷ lệ thu sử dụng vốn sau đó chia đều cho 12 tháng. Trường hợp số thu sử dụng vốn nhỏ, có thể thỏa thuận với cơ quan thuế để thực hiện tạm nộp hàng quý.

Các đơn vị có kết quả sản xuất kinh doanh năm trước bị lỗ và kế hoạch tài chính năm kế hoạch cũng bị lỗ thì tạm thời chưa thực hiện tạm nộp thu sử dụng vốn hàng tháng, nhưng phải có công văn gửi cơ quan thuế trực tiếp quản lý đơn vị. Nếu quyết toán 6 tháng đầu năm có lãi thì phải thực hiện kê khai tạm nộp thu sử dụng vốn.

Trường hợp năm trước có lãi, 6 tháng đầu năm sau tạm nộp thu sử dụng vốn, nếu quyết toán 6 tháng đầu năm bị lỗ thì đơn vị phải có công văn báo cáo cơ quan thuế hoãn nộp thu sử dụng vốn.

b. Quyết toán thu sử dụng vốn.

Khi kết thúc năm tài chính, tất cả các đơn vị có vốn NSNN đều phải quyết toán với cơ quan thuế về số thu sử dụng vốn phải nộp. Nội dung quyết toán phải thể hiện các chỉ tiêu chủ yếu